

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024 (ABR)

CTCP Đầu tư Nhãn Hiệu Việt

Ngày	31/12/2024		
	13,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.5%	-	-1.9%

DT thuần	2024
26.7	tỷ VNĐ
YoY: ▼27.0 -50.3%	

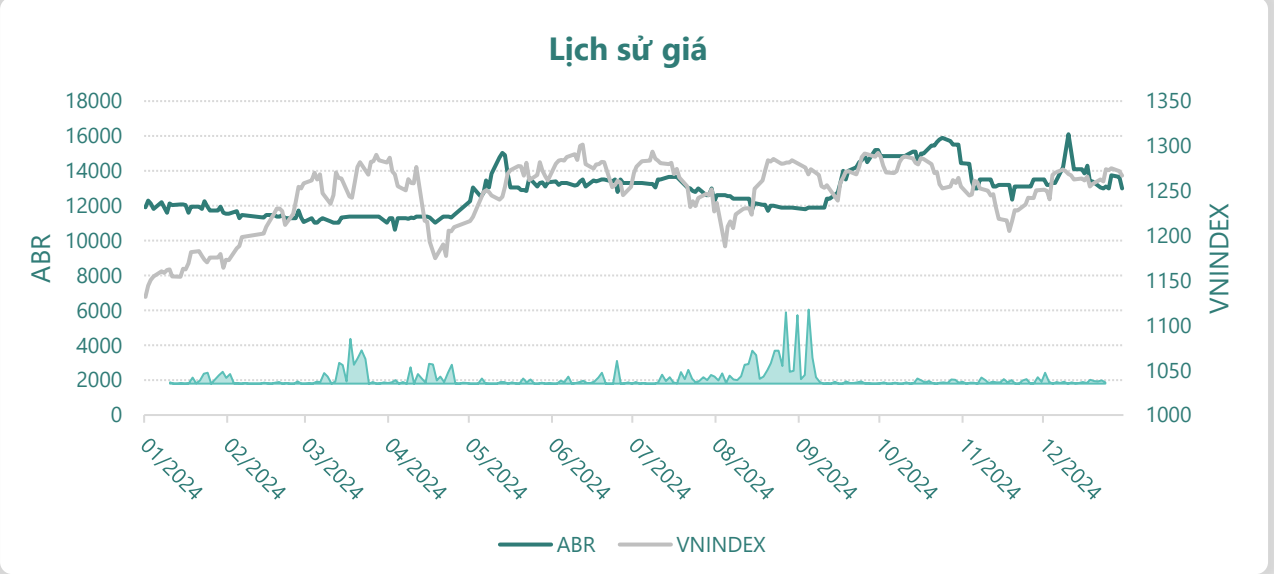
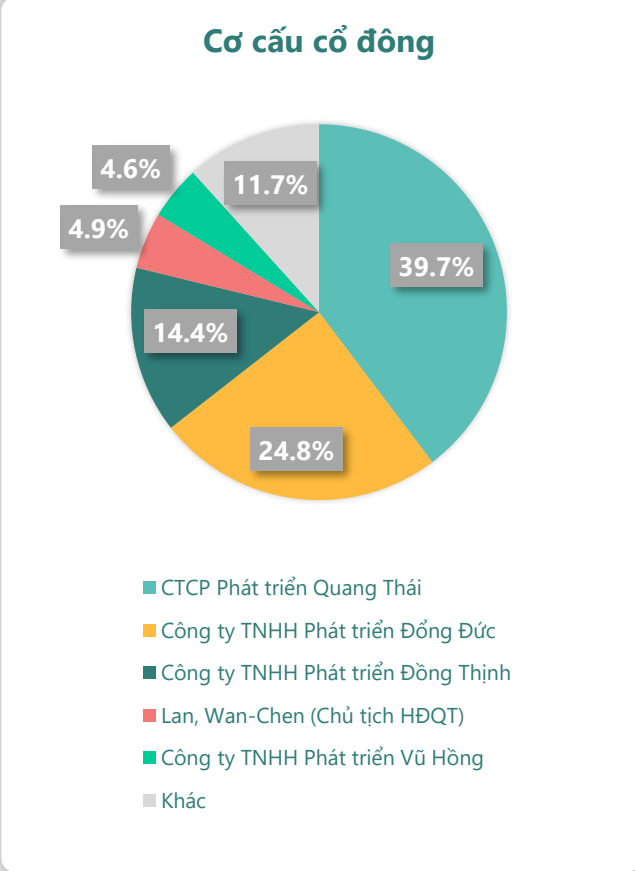
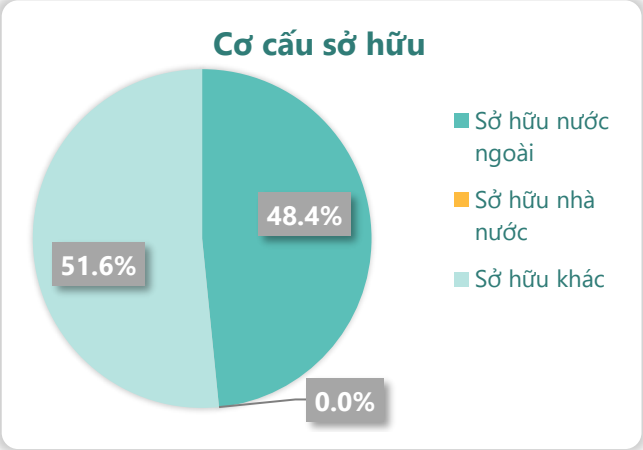
LN thuần	2024
26.4	tỷ VNĐ
YoY: ▼3.10 -10.3%	

LN sau thuế	2024
18.0	tỷ VNĐ
YoY: ▼13.0 -42.0%	

Tỷ suất lãi EBIT	2024
98.4%	
YoY: +/-▲ 22.2%	

ROE	2024
5.9%	
YoY: +/-▼ 4.4%	

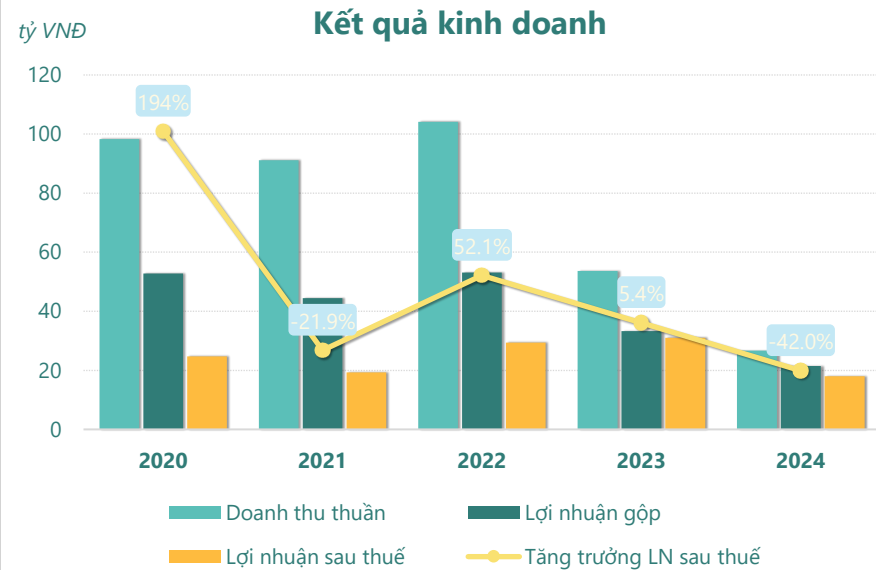
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,624 - 16,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	260
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,585
Sở hữu nước ngoài	48.4%
Beta	0.65
EPS	898
P/E	14.5



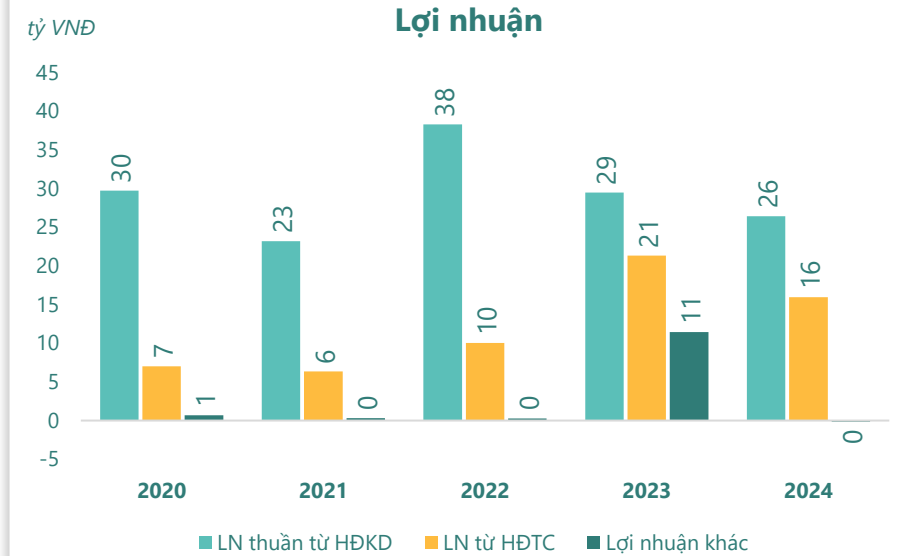
Năm **2024**, **ABR** ghi nhận doanh thu thuần **26.70** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **17.96** tỷ đồng, lần lượt **giảm 50.3%** và **giảm 42.0%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **5.89%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

KẾT QUẢ KINH DOANH

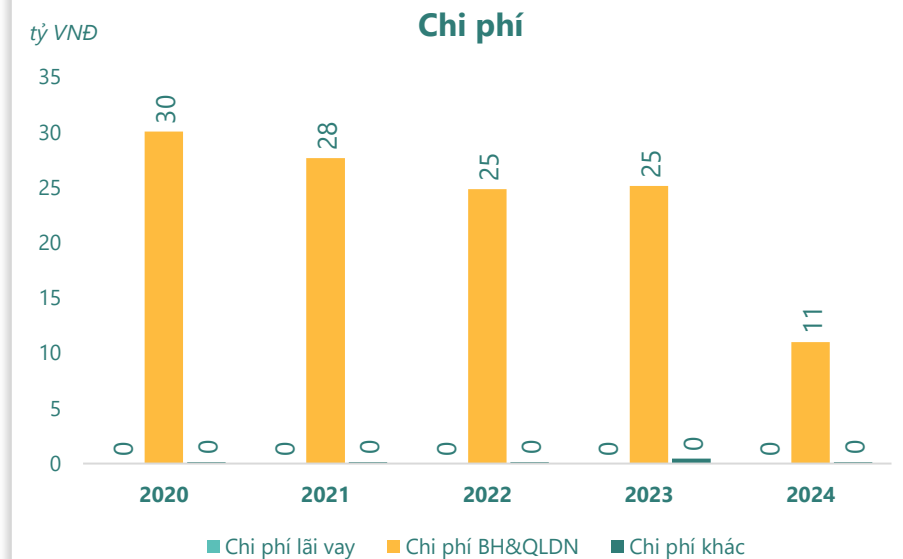
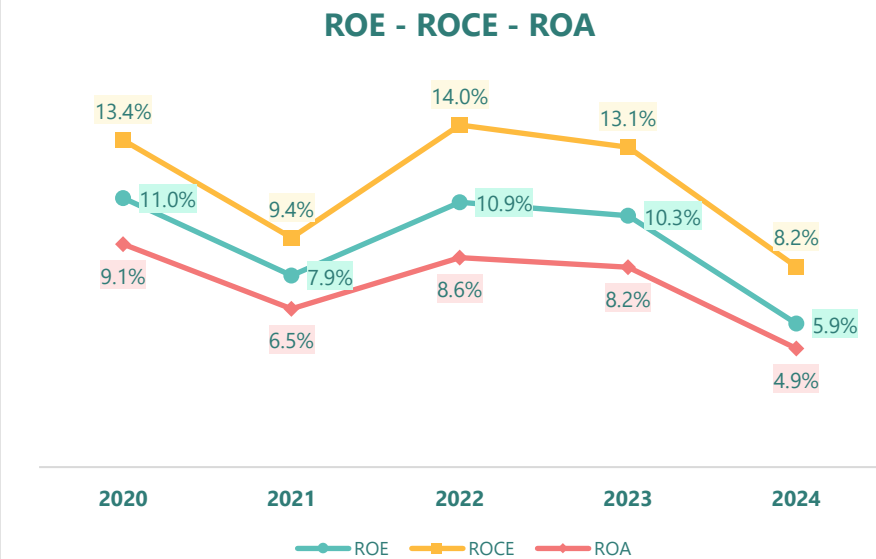


Năm **2024**, ABR có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **26.41** tỷ đồng, **giảm đi 3.05** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (29.40 tỷ đồng) là 2.99 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.



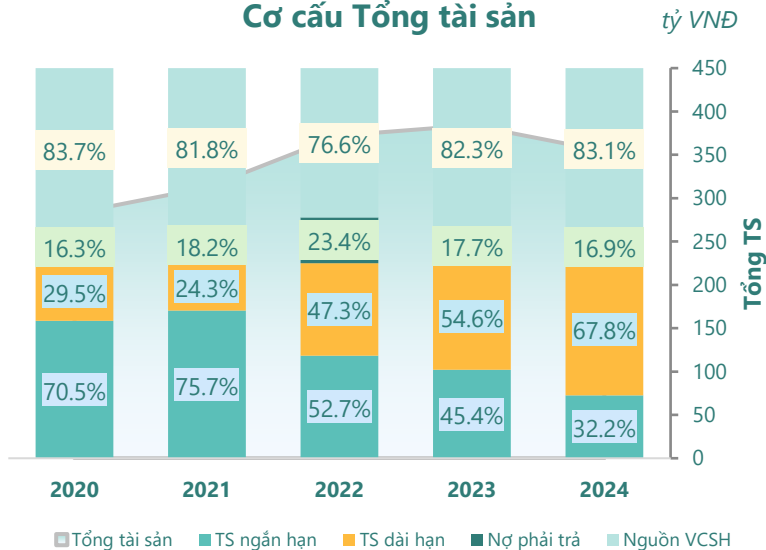
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm xuống** còn **11.00** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.13** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của ABR năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **5.89%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

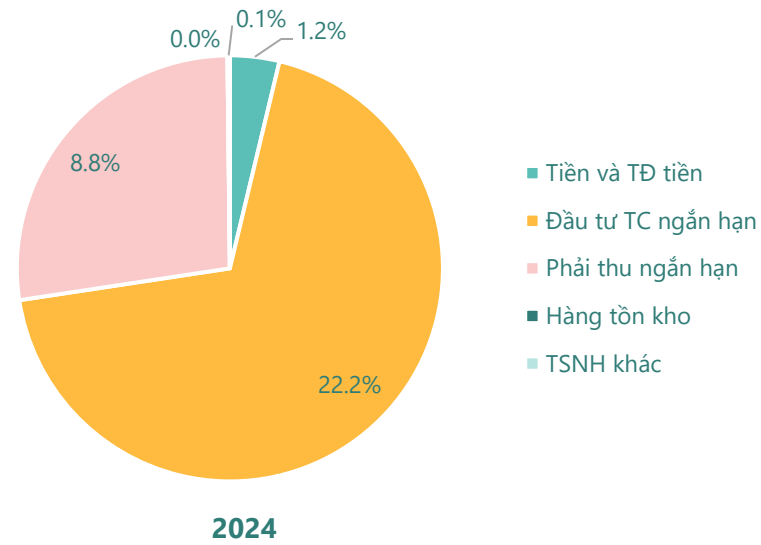


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

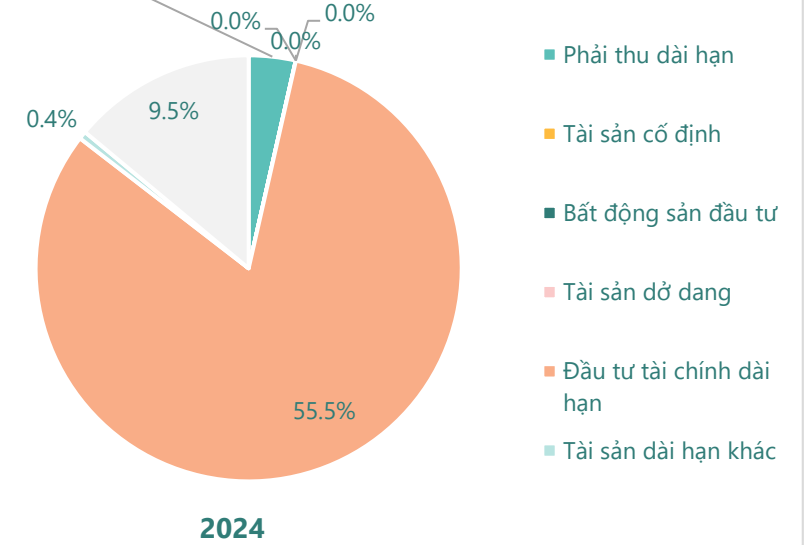
Cơ cấu Tổng tài sản



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Tổng tài sản của **ABR** năm 2024 đạt **354.0** tỷ đồng, giảm **7.82%** so với năm trước. Trong đó, tỷ trọng của tài sản dài hạn trong Tổng tài sản là 67.8%, lớn hơn tài sản ngắn hạn. Với cơ cấu Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng là 83.1%, cao hơn nợ phải trả.

Cần phân tích cụ thể sự thay đổi giá trị cũng như cơ cấu tổng tài sản những năm gần đây.

Tài sản ngắn hạn của ABR năm 2024 giảm **34.6%** so với năm trước, đạt **114.0** tỷ đồng. Cùng với đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm xuống so với năm trước chiếm **32.2%** tổng tài sản. Trong đó, **đầu tư tài chính ngắn hạn** chiếm tỷ trọng lớn nhất **22.2%**, tiếp đến là phải thu ngắn hạn chiếm 8.76% trên tổng tài sản.

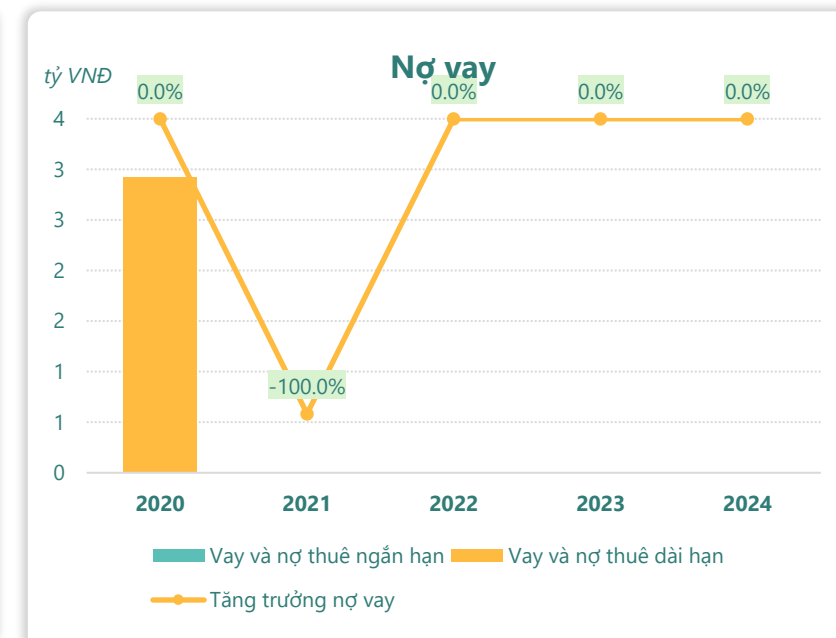
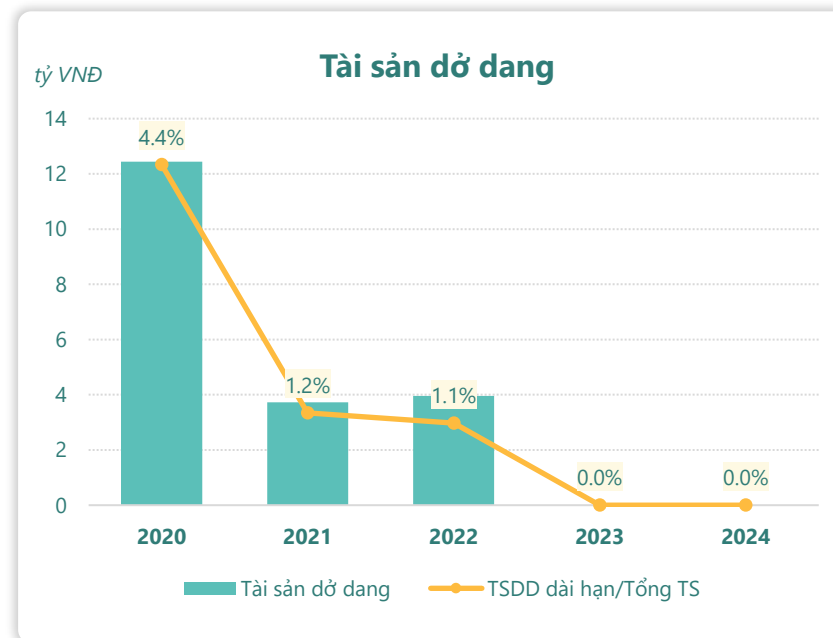
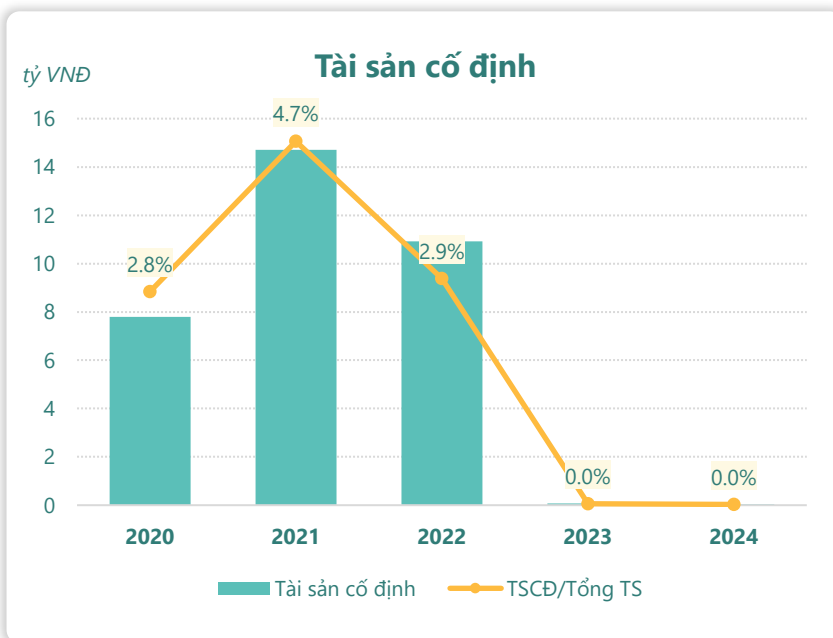
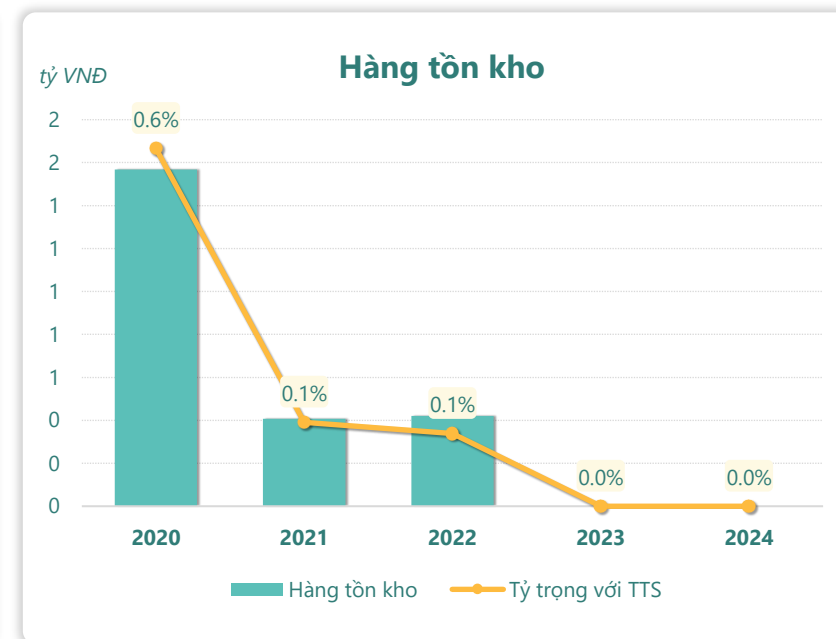
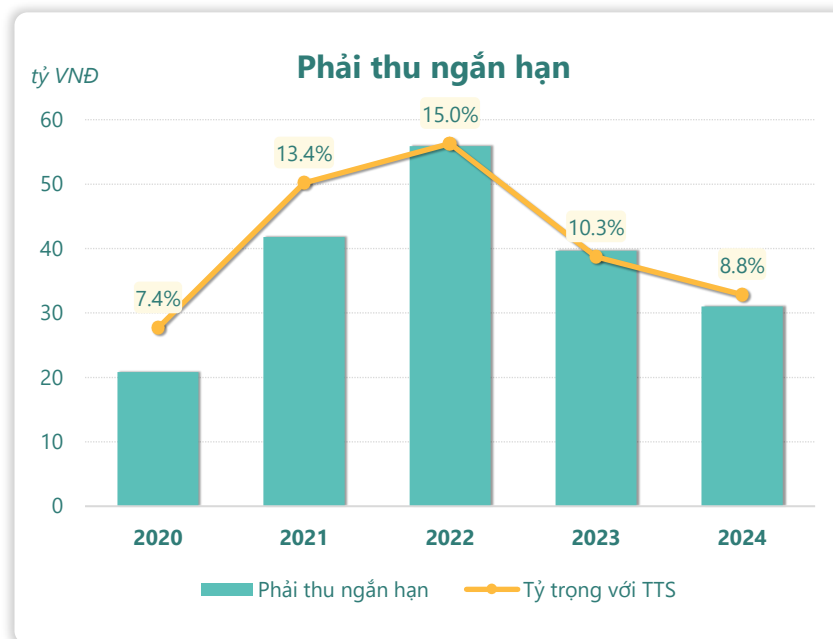
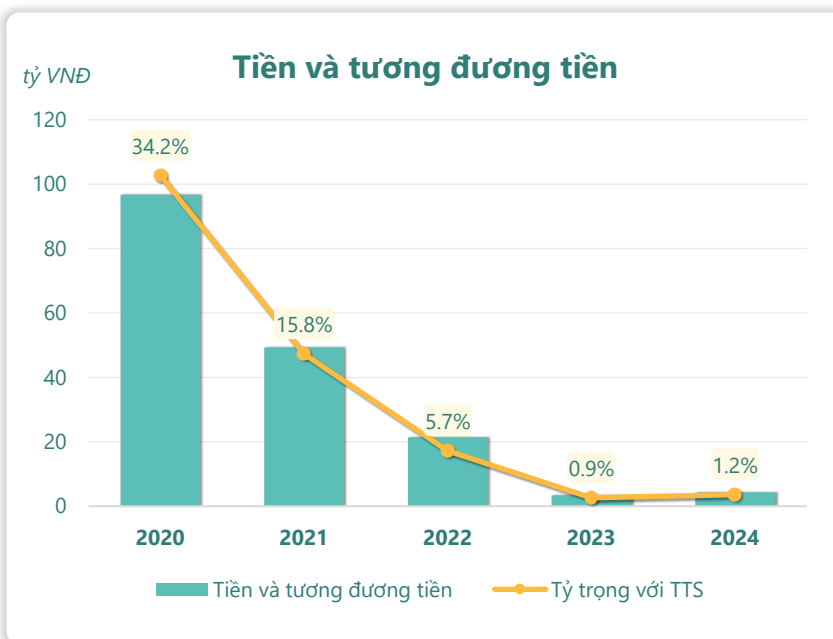
Phân tích cơ cấu tài sản ngắn hạn giúp đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn và mức độ cân đối trong cấu trúc tài sản.

Tài sản dài hạn tăng trưởng **14.4%** so với năm trước và đạt **240.0** tỷ đồng. Tương ứng chiếm **67.8%** tổng tài sản, tăng lên so với năm trước. Trong đó **đầu tư tài chính dài hạn** chiếm cao nhất **55.5%**, sau đó là lợi thế thương mại chiếm 9.46%.

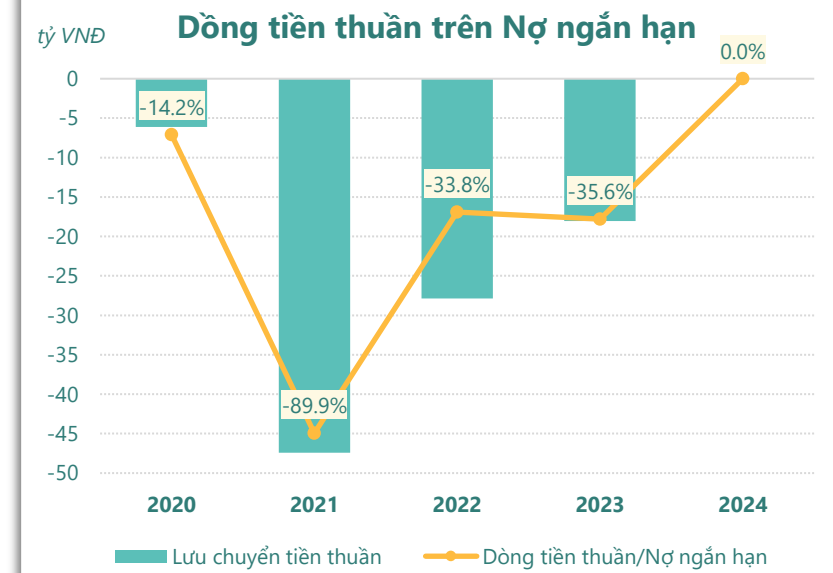
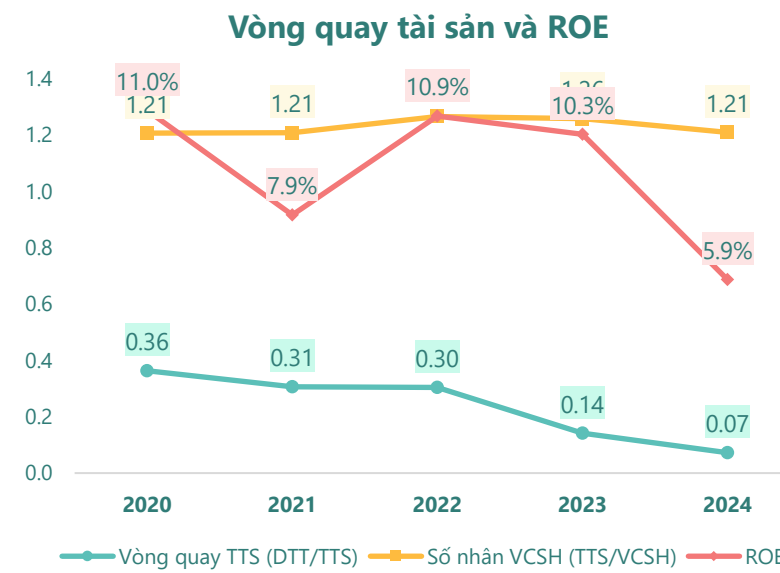
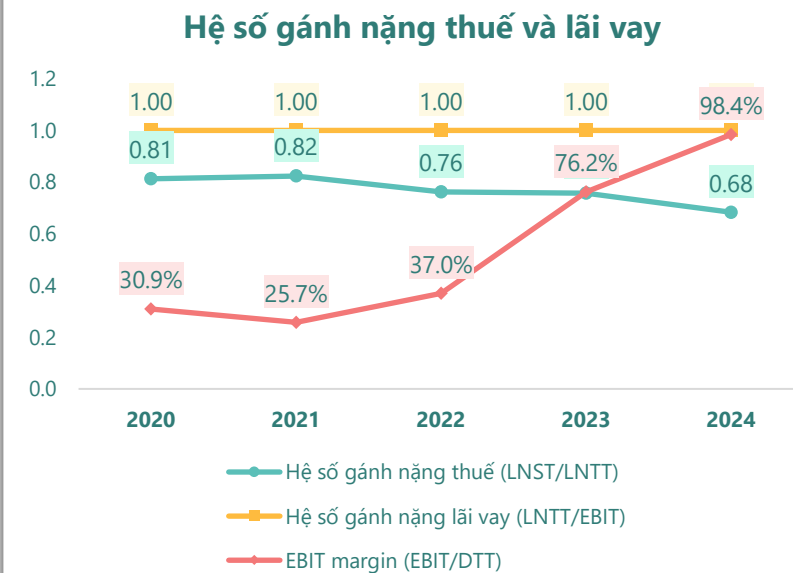
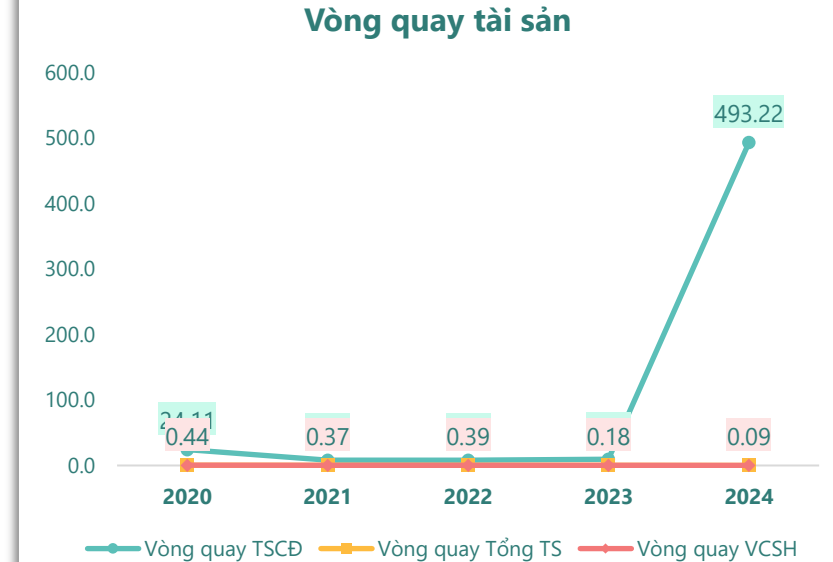
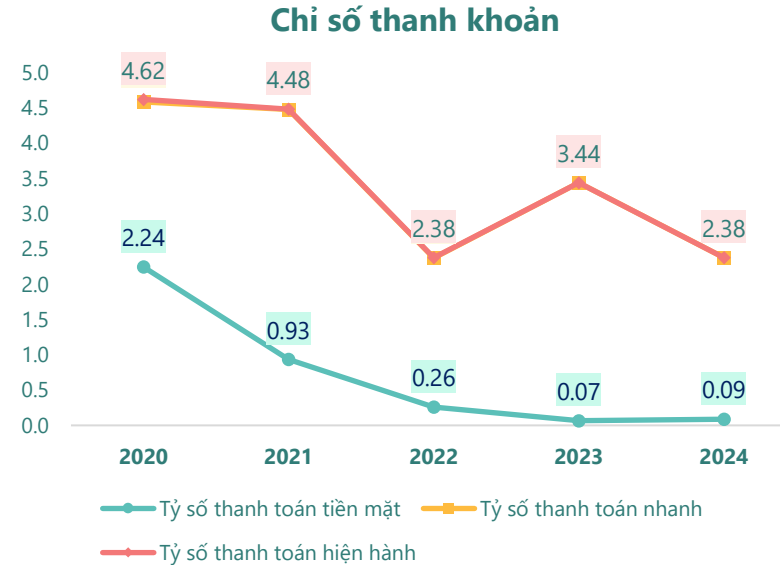
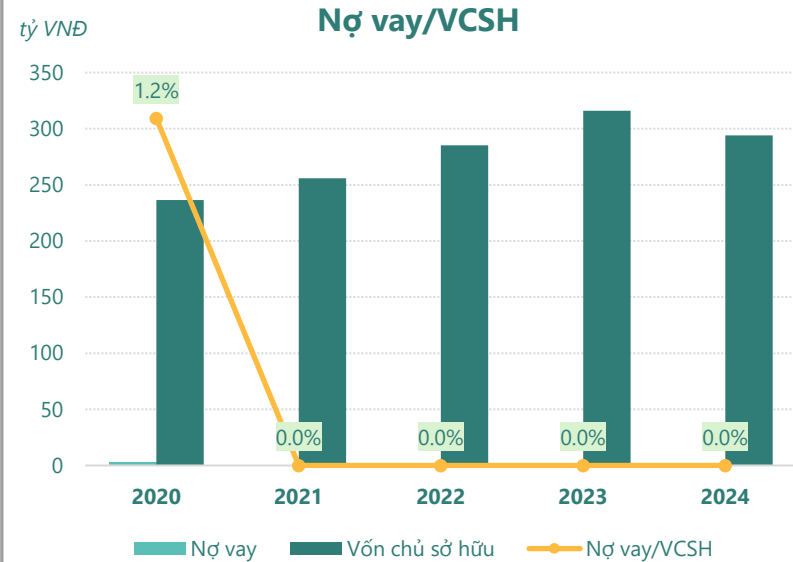
Phân tích cơ cấu tài sản dài hạn giúp đánh giá khả năng sinh lợi dài hạn, khả năng chi trả nợ dài hạn và khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông. Cần đánh giá tổng quan với các doanh nghiệp cùng ngành để đưa ra kết luận tốt hơn.



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	91.2	104	53.7	26.7
Giá vốn hàng bán	46.7	51.1	20.4	5.24
Lợi nhuận gộp	44.5	53.1	33.3	21.5
Doanh thu HĐTC	6.34	10.1	21.6	16.3
Chi phí TC	0.00	0.12	0.31	0.31
Chi phí lãi vay	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.55	5.16	2.42	0.02
Chi phí QLDN	22.1	19.7	22.7	11.0
LN thuần từ HĐKD	23.2	38.3	29.5	26.4
Lợi nhuận khác	0.30	0.28	11.4	-0.13
LN trước thuế	23.5	38.6	40.9	26.3
Lợi nhuận sau thuế	19.3	29.4	31.0	18.0
LNST của CĐ cty mẹ	19.3	29.4	31.0	18.0

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(tỷ VNĐ)

	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.3	48.4	13.8	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-60.7	-76.2	-31.9	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	96.7	49.3	21.4	0
Lưu chuyển tiền thuần	-47.4	-27.9	-18.0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	49.3	21.4	3.37	0

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)

	2021	2022	2023	2024
Tổng tài sản	313	372	384	354
Tài sản ngắn hạn	237	196	174	114
Tiền và tương đương tiền	49.3	21.4	3.37	4.27
Đầu tư tài chính ngắn hạn	145	117	130	78.5
Phải thu ngắn hạn	41.8	55.9	39.6	31.0
Hàng tồn kho	0.41	0.42	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.38	0.95	1.56	0.21
Tài sản dài hạn	76.0	176	210	240
Phải thu dài hạn	0.18	0.12	2.28	8.51
Tài sản cố định	14.7	10.9	0.07	0.04
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.73	3.95	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	110	164	197
Tài sản dài hạn khác	3.28	4.11	2.93	1.44
Lợi thế thương mại	54.1	47.2	40.3	33.5
Nợ phải trả	56.7	87.0	67.9	59.9
Nợ ngắn hạn	52.8	82.4	50.6	47.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	38.3	54.1	33.1	30.5
Nợ dài hạn	4.00	4.60	17.3	12.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	256	285	316	294
Vốn chủ sở hữu	256	285	316	294
Vốn điều lệ	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0